

HOSE 20/02/2014

VNINDEX 571.04 -7.08 -1.22%

KLGD 259,679,130 CP
GTGD 4,031.64 Tỷ
GTR NDTNN 158.69 Tỷ

CP Tăng giá 49 CP
CP Giảm giá 214 CP
CP Đứng giá 41 CP



HNX 20/2/2014

HNXINDEX 79.51 -2.81 -3.42%

KLGD 148,780,034 CP
GTGD 1,448.63 Tỷ
GTR NDTNN 28.69 Tỷ

CP Tăng giá 66 CP
CP Giảm giá 205 CP
CP Đứng giá 108 CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30 638.70 -11.73 -1.80%
HNX30 158.62 -8.31 -4.98%

Tâm điểm

► **Nhiều cổ phiếu rơi vào trạng thái bán tháo, 2 sàn giảm điểm mạnh**

► **Thanh khoản đạt mức cao kỷ lục**

Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn đạt khoảng 5.500 tỷ đồng.

► **Nửa đầu tháng 2 nhập siêu gần 1.21 tỷ USD**

Cán cân thương mại hàng hóa của cả nước hết ngày 15/2 thặng dư 622 triệu USD.

► **Tháng 1/2014: Ngành xây dựng đạt hơn 10,000 tỷ đồng**

Bằng 92.1% so với cùng kỳ năm 2013

Trí Thức Trẻ

► **IMF cảnh báo nguy cơ từ việc chấm dứt kích thích kinh tế**

IMF cũng kêu gọi G20 tạo ra nỗ lực chung để thúc đẩy kinh tế toàn cầu
Vietnamplus

► **JVC: Lãi 2013 chỉ bằng 1/4 năm trước**

Đánh chú ý, hoạt động tài chính trong năm 2013 của JVC tiếp tục lỗ gần 52 tỷ đồng
Công Lý

► **BCC: Hụt hơi ở quý 4, cả năm lỗ 16 tỷ đồng**

Mặc dù năm trước BCC vẫn có lãi đến 68 tỷ đồng
Công Lý

Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,018,906	13.8	3.0	22.5%	11.4%
HNX	129,301	20.7	1.7	9.5%	4.0%
Toàn bộ thị trường	1,148,207	14.9	2.9	21.4%	10.6%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	8,467	7.3	1.0	16.0%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	24,265	8.2	1.9	24.4%	18.2%
Thép và sản phẩm thép	32,596	15.0	1.8	17.6%	7.0%
Khai khoáng	12,589	45.5	4.9	3.9%	2.9%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	19,668	19.1	1.4	15.5%	9.3%
Xây dựng	30,617	48.3	1.1	3.4%	1.5%
Máy công nghiệp	9,986	9.8	1.6	21.3%	12.9%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,283	13.5	1.7	16.8%	12.2%
Lốp xe	7,428	9.2	2.6	30.2%	13.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	13,351	13.8	1.2	11.1%	5.6%
Thực phẩm	208,946	23.4	5.4	24.5%	18.4%
Dược phẩm	16,006	13.0	3.4	26.5%	17.1%
Phần mềm	16,542	10.1	2.2	23.7%	10.0%
Sản xuất & phân phối điện	23,494	7.8	1.3	19.6%	9.5%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	164,489	12.5	4.6	39.9%	25.1%
Bảo hiểm nhân thọ	32,731	29.9	2.7	9.0%	2.2%
Môi giới chứng khoán	22,841	19.5	1.3	8.0%	5.5%
Ngân hàng	257,912	11.5	1.3	11.6%	0.9%
Bất động sản	149,640	16.3	2.8	26.1%	6.3%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	37,871	10.0	2.0	21.3%	8.1%

Thống kê thị trường

- HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

VietinBankSc

306 Ba Triệu
Hai Bà Trưng
Hanoi
Vietnam
Tel: (844) 3974 7952
Fax: (844) 3974 1760
www.vietinbanksc.com.vn

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

► Tin kinh tế

Nửa đầu tháng 2 nhập siêu gần 1.21 tỷ USD

Theo Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước nửa đầu tháng 2 đạt gần 3.66 tỷ USD, giảm 38.3% (tương ứng giảm gần 2.27 tỷ USD) so 15 ngày cuối tháng 1. Trong khi đó, nhập khẩu của cả nước trong nửa đầu tháng 2 đạt gần 4.86 tỷ USD, tăng 9.4% (tương ứng tăng gần 416 triệu USD) so với 15 ngày cuối tháng 1. Như vậy, cán cân thương mại hàng hóa trong nửa đầu tháng 2 thâm hụt gần 1.21 tỷ USD, đưa cán cân thương mại hàng hóa của cả nước tính đến hết ngày 15/2 thặng dư 622 triệu USD.

Tháng 1/2014: Ngành xây dựng đạt hơn 10,000 tỷ đồng

Bộ Xây dựng vừa có báo cáo tổng kết về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tháng 1-2014 của các doanh nghiệp trực thuộc. Theo báo cáo, giá trị sản xuất kinh doanh tháng 1 của ngành xây dựng ước đạt 10,454.5 tỷ đồng, bằng 7.4% so với kế hoạch năm 2014, bằng 90.5% so với cùng kỳ năm 2013. Giá trị xây lắp ước đạt 4,111.9 tỷ đồng, bằng 7.9% so với kế hoạch năm. Giá trị sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng (kể cả TCT Xi măng Việt Nam) ước đạt 4,149.7 tỷ đồng, bằng 7.4% so với kế hoạch năm, bằng 94.8 % so với cùng kỳ năm 2013

IMF cảnh báo nguy cơ từ việc chấm dứt kích thích kinh tế

Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) mới đây đã cảnh báo các nền kinh tế lớn cần nghiêm túc cân nhắc về việc thu hẹp hoặc chấm dứt các chương trình kích thích kinh tế, tránh tác động xấu tới các nền kinh tế đang phát triển. Theo IMF, do khoảng cách sản lượng vẫn lớn, lạm phát vẫn thấp và việc củng cố tài chính đang diễn ra, chính sách tiền tệ cần tiếp tục đóng vai trò hỗ trợ tích cực cho các nền kinh tế phát triển. IMF nhấn mạnh có cơ hội cho sự hợp tác hơn nữa về chương trình kích thích kinh tế, trong đó có việc các ngân hàng trung ương thảo luận rộng hơn về kế hoạch thoát khỏi khủng hoảng.

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

► Tin doanh nghiệp

DRC: HĐQT lên kế hoạch lãi trước thuế 425 tỷ đồng trong năm 2014

HĐQT CTCP Cao su Đà Nẵng (HOSE: DRC) sẽ trình kế hoạch kinh doanh năm 2014 lên ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 được tổ chức tới đây vào ngày 23/4 tại Tp. Đà Nẵng. Theo đó, kế hoạch doanh thu bán hàng kế hoạch năm 2014 là 3,485 tỷ đồng và doanh thu thuần là 3,350 tỷ đồng, bằng 120% thực hiện của năm 2013. Lợi nhuận trước thuế sẽ là 425 tỷ đồng, bằng 85% năm 2013. Được biết, kết thúc năm 2013, DRC đạt lợi nhuận sau thuế là 375 tỷ đồng, tăng 20.25% so với năm 2012. So với kế hoạch, năm 2013 công ty đã hoàn thành vượt mức 19.9%.

JVC: Lãi 2013 chỉ bằng 1/4 năm trước

CTCP Thiết Bị Y Tế Việt Nhật (HOSE: JVC) công bố BCTC hợp nhất 2013 với doanh thu 594 tỷ đồng và lãi ròng 42 tỷ đồng, lần lượt giảm 22% và 75% so với năm trước. Bên cạnh sự sụt giảm về doanh thu trong hoạt động chính, hoạt động tài chính trong năm 2013 của JVC tiếp tục lỗ gần 52 tỷ đồng (năm trước lỗ gần 41 tỷ). Thêm vào đó, JVC còn bị lỗ khác gần 23 tỷ đồng, trong khi năm trước đạt 1.6 tỷ đồng. Chính những nguyên nhân này khiến cho lãi ròng JVC năm 2013 đạt gần 42 tỷ đồng, bằng 21% chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Theo giải trình của JVC, kết quả 2013 có một phần ảnh hưởng từ lợi nhuận quý 4/2013 (giảm 83% so với cùng kỳ).

BCC: Hụt hơi ở quý 4, cả năm lỗ 16 tỷ đồng

Theo BCTC hợp nhất quý 4/2013, trong hoạt động chính, CTCP Xi Măng Bim Sơn (HNX: BCC) ghi nhận 1,033 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng nhẹ 6% so với cùng kỳ năm trước; giá vốn tăng mạnh hơn ở mức 11%. Cho nên lãi gộp giảm 11% chỉ đạt 197 tỷ đồng. Trong hoạt động tài chính, doanh thu giảm mạnh từ 29 tỷ đồng xuống 1.8 tỷ đồng và chi phí tăng gần 40 tỷ đồng từ 102.6 tỷ ở quý 4/2012 lên 141.2 tỷ trong quý này. Chính điều này là nguyên nhân chủ chốt dẫn đến khoản lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh lên đến 60 tỷ đồng. Tổng kết lại, quý 4 BCC bị lỗ ròng 51.7 tỷ đồng kéo theo lũy kế cả năm lỗ 15.9 tỷ đồng. Dù năm trước vẫn có lãi đến 68 tỷ đồng.

HOSE 20/02/2014 VNINDEX 571.04 -7.08 -1.22% 259,679,130 CP 4,031.64 bil VND

Hai sàn giảm điểm mạnh, thanh khoản đạt mức kỷ lục

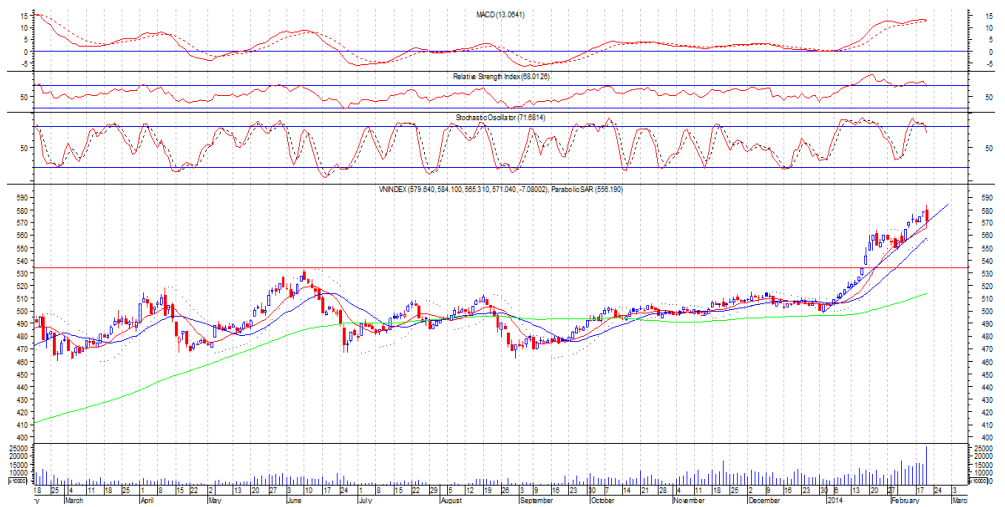
VN-Index giảm 7.08 điểm (-1.22%), đóng cửa tại mức 571.04 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ với thân nến tương đối dài, cho thấy áp lực giảm điểm rất mạnh của thị trường.

- MA10, MA20 vẫn đi lên. MA10 trở thành hỗ trợ tốt cho thị trường phiên hôm nay. Nhiều khả năng MA20 và MA50 sẽ đóng vai trò hỗ trợ mạnh trong những phiên tới.

- Tín hiệu MACD Histogram sụt giảm, tăng khả năng cắt đường tín hiệu.

- Stochastic Oscillator đi xuống mạnh

- DI+, DI- thu hẹp khoảng cách và cho tín hiệu đà tăng đang suy giảm.



HOSE Top 5 theo KLGD

ITA	-0.4 (-5.1%)	16,856,900
FLC	-0.7 (-6.3%)	11,455,130
HAG	-1.2 (-4.6%)	10,647,640
SAM	-0.1 (-0.9%)	10,219,570
VHG	0.7 (7.0%)	9,613,580

HOSE Top 5 theo % tăng

VHG	0.7 (7.0%)	9,613,580
VNG	0.4 (6.9%)	120
LGC	0.9 (6.8%)	5,200
FDC	1.7 (6.7%)	113,720
VLF	0.4 (6.6%)	32,290

HOSE Top 5 theo % giảm

KHP	-1 (-7.0%)	340,800
BGM	-0.3 (-7.0%)	1,652,910
HAP	-0.6 (-7.0%)	2,297,390
HQC	-0.6 (-7.0%)	7,357,120
HSI	-0.3 (-7.0%)	103,240

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

DIG	24,4 tỷ	1,415,870
GAS	19,9 tỷ	238,000
GMD	14,7 tỷ	395,300
IJC	13,1 tỷ	1,018,320
VIC	11,8 tỷ	152,100

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HAG	-31,7 tỷ	1,220,540
PVD	-3,7 tỷ	47,630
KBC	-2,2 tỷ	231,460
CTG	-1,2 tỷ	66,410
LSS	-1,0 tỷ	78,500

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	5,550,230	158.69

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Đà tăng đã không thể duy trì khi áp lực chốt lời xuất hiện rất mạnh, hàng loạt trụ đỡ không thể giúp VN-Index ngừng đà rơi.
- ▶ Khối lượng giao dịch đạt mốc 254 triệu đơn vị. Một mức cao kỷ lục của TTCK Việt Nam. Nhiều cổ phiếu rơi vào trạng thái bán tháo.
- ▶ VN-Index sẽ chịu áp lực điều chỉnh trước lực bán giải chấp trong những phiên sắp tới. Tuy nhiên, đà điều chỉnh sẽ được hỗ trợ mạnh bởi MA20 và MA50
- ▶ Khối ngoại tiếp tục mua ròng khá mạnh phiên hôm nay. Việc khối ngoại tiếp tục mua ròng sẽ củng cố niềm tin của NĐT trong bối cảnh thị trường điều chỉnh.
- ▶ NĐT mạo hiểm có thể cân nhắc, chọn lọc mua vào dần các mã đã điều chỉnh về ngưỡng hỗ trợ, nâng tỷ lệ cổ phiếu lên 50%.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	82.5	156,337.50	12.7	4.7	40.8%	25.9%
VNM	833.5	138.0	115,018.45	17.7	6.6	39.6%	30.7%
VIC	909.5	78.5	71,397.68	10.6	4.0	47.7%	10.3%
MSN	734.9	94.5	69,449.12	153.8	4.6	3.0%	1.0%
VCB	2,317.4	29.1	67,436.84	15.5	1.6	10.3%	1.0%
CTG	3,723.4	16.9	62,925.54	9.2	1.2	13.2%	1.1%
BID	2,811.2	16.9	47,509.32	10.8	1.4	13.7%	0.8%
BVH	680.5	46.1	31,369.73	29.9	2.7	9.0%	2.2%
STB	1,142.5	20.6	23,535.74	10.5	1.4	14.5%	1.4%
PVD	275.3	75.5	20,781.99	10.8	2.2	22.3%	9.3%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

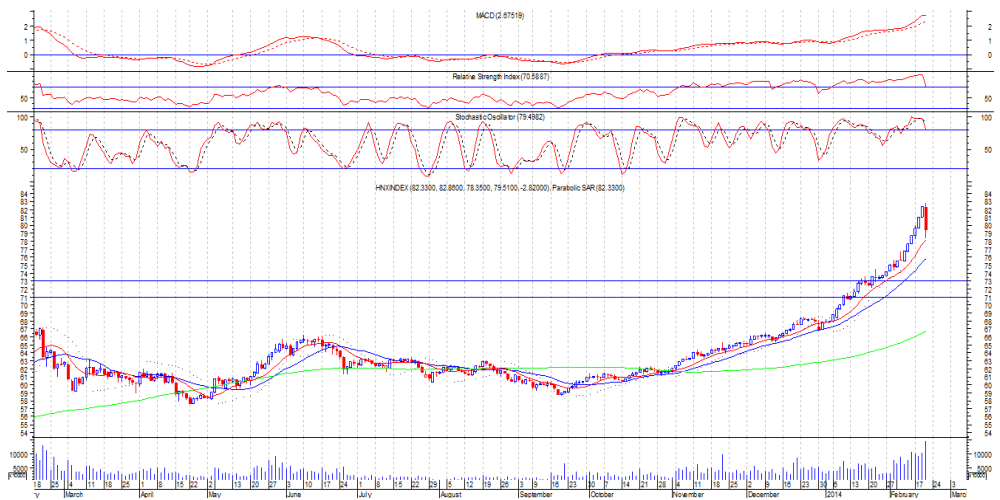
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	13.4	3,116.84	14.2	1.2	NA	TH.DOI
PPC	318.2	25.4	8,081.13	5.2	1.6	NA	TH.DOI
PHR	78.5	31.6	2,480.29	6.6	1.2	NA	TH.DOI
BMP	45.5	75.0	3,410.89	9.4	2.3	NA	TH.DOI
VSC	28.6	68.5	1,962.25	8.3	2.3	NA	TH.DOI
DPM	379.9	44.5	16,907.07	7.9	1.9	NA	TH.DOI

HNX 20/02/2014 HNX-Index 79.51 -2.81 -3.42% 148,780,034 CP 1,448.63 bil. VND

Hai sàn giảm điểm mạnh, thanh khoản đạt mức kỷ lục

Chỉ số HNX-Index giảm 2.81 điểm (-3.42%), đóng cửa tại mốc 79.51 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ, thân nến dài, giảm điểm mạnh và chiếm trọn cả 2 cây nến tăng điểm tích cực trước đó.

- MA10, MA20 vẫn đang xu hướng tăng và sẽ đóng vai trò hỗ trợ mạnh cho chỉ số này trong những phiên tới.
- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục lao dốc
- Parabolic SAR cho tín hiệu bán mạnh.
- RSI (14) giảm mạnh về mức 70.



HNX Top 5

theo KLGD

PVX	-0.1 (-2.7%)	20,611,910
SHB	-0.5 (-5.6%)	16,873,250
SCR	-0.5 (-5.6%)	14,993,460
KLS	-0.7 (-5.8%)	8,490,480
VCG	-1.3 (-8.7%)	7,078,360

HNX Top 5

theo % tăng

BED	1.1 (10.0%)	7,400
BXH	1.2 (10.0%)	300
GMX	1.1 (10.0%)	100
SDG	1.9 (10.0%)	100
CCM	1.1 (9.9%)	2,500

HNX Top 5

theo % giảm

VHH	-0.3 (-10.0%)	15,500
C92	-1.4 (-9.9%)	490
PCT	-0.5 (-9.8%)	44,700
WCS	-8.3 (-9.8%)	500
SCJ	-1.2 (-9.7%)	110,500

HNX Top 5

Mua ròng NDTNN

PVS	11,1 tỷ	358,000
SHB	2,9 tỷ	326,000
BVS	2,8 tỷ	199,600
SD6	2,4 tỷ	161,800
HLD	2,3 tỷ	107,000

HNX Top 5

Bán ròng NDTNN

PVC	-0,7 tỷ	37,100
KLS	-0,6 tỷ	55,200
PVX	-0,6 tỷ	175,100
STC	-0,2 tỷ	15,800
PVL	-0,2 tỷ	55,000

GD NDTNN

KL Ròng

GT Ròng (tỷ)

HNX	1,657,700	28.69
-----	-----------	-------

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Áp lực bán xuất hineejj khá mạnh từ đầu phiên giao dịch, nhiều trụ đỡ của sàn chịu áp lực bán khá mạnh gây hiệu ứng bán tháo ở nhiều mã.
- ▶ Khối lượng giao dịch đạt mốc 147 triệu đơn vị. Một mức cao kỷ lục của sàn Hà Nội. Nhiều cổ phiếu rơi vào trạng thái bán tháo.
- ▶ HNX-Index sẽ chịu áp lực điều chỉnh trước lực bán giải chấp trong những phiên sắp tới. Tuy nhiên, đà điều chỉnh sẽ được hỗ trợ mạnh bởi MA20 và MA50
- ▶ Khối ngoại tiếp tục mua ròng khá mạnh phiên hôm nay. Việc khối ngoại tiếp tục mua ròng sẽ củng cố niềm tin của NĐT trong bối cảnh thị trường điều chỉnh.
- ▶ NĐT mạo hiểm có thể cân nhắc, chọn lọc mua vào dần các mã đã điều chỉnh về ngưỡng hỗ trợ, nâng tỷ lệ cổ phiếu lên 50%.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	921.5	16.0	14,744.25	18.2	1.2	6.6%	0.5%
PVS	446.7	29.5	13,177.66	8.8	1.7	21.0%	6.7%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	415.6	6.4	-1.5%	-1.2%
SHB	886.1	8.5	7,531.71	10.5	0.8	7.6%	0.6%
OCH	200.0	30.5	6,100.00	44.7	2.9	5.9%	2.2%
VCG	441.7	13.7	6,051.44	12.2	1.2	10.1%	2.1%
PVI	225.4	19.5	4,395.58	13.7	0.7	5.4%	2.9%
LAS	77.8	46.9	3,650.32	8.4	2.7	34.3%	16.1%
NTP	43.3	67.9	2,942.65	10.2	2.4	24.8%	16.7%
VNR	100.8	26.2	2,641.68	9.1	1.1	12.7%	6.9%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	39.0	1,482.00	8.7	1.7	NA	TH.DOI
AAA	19.8	22.7	449.46	8.9	0.9	NA	TH.DOI
VND	96.9	15.2	1,473.43	12.8	1.3	NA	TH.DOI
NTP	43.3	67.9	2,942.65	10.2	2.4	NA	TH.DOI
LHC	2.0	64.4	128.80	3.3	1.2	NA	TH.DOI
DXP	7.9	50.0	393.75	7.6	1.8	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	69,449.12	15.35%	94.5	153.75	4.62	227,368	287,890	278,920
VIC	HOSE	909.5	71,397.68	14.46%	78.5	10.64	4.02	247,555	307,601	250,207
HPG	HOSE	419.1	19,653.56	11.74%	46.9	10.36	2.13	500,822	675,539	491,600
PVD	HOSE	275.3	20,781.99	8.68%	75.5	10.84	2.24	344,782	387,049	354,483
DPM	HOSE	379.9	16,907.07	8.01%	44.5	7.88	1.87	921,573	1,028,958	583,077
HAG	HOSE	718.2	17,953.87	7.98%	25.0	19.10	1.46	5,728,666	4,552,415	2,710,619
VCB	HOSE	2,317.4	67,436.84	6.11%	29.1	15.50	1.57	827,207	1,159,036	832,469
STB	HOSE	1,142.5	23,535.74	4.13%	20.6	10.46	1.39	522,350	728,686	403,520
BVH	HOSE	680.5	31,369.73	3.08%	46.1	29.87	2.70	521,529	723,017	491,219
ITA	HOSE	718.1	5,385.56	2.71%	7.5	106.71	0.73	9,524,633	10,020,963	6,710,924
HSG	HOSE	96.3	4,719.34	2.68%	49.0	8.75	2.10	289,123	388,218	328,810
GMD	HOSE	114.4	4,119.18	2.26%	36.0	30.68	0.96	590,599	568,830	526,522
PPC	HOSE	318.2	8,081.13	2.03%	25.4	5.15	1.56	1,451,436	1,376,398	1,419,429
VSH	HOSE	206.2	3,279.24	1.74%	15.9	16.84	1.30	1,272,397	1,452,729	1,115,819
CSM	HOSE	67.3	2,779.16	1.64%	41.3	8.08	2.39	817,126	826,931	670,310
KBC	HOSE	289.8	3,882.79	1.48%	13.4	56.65	0.97	1,599,588	1,382,195	1,061,592
DRC	HOSE	83.1	3,804.78	1.33%	45.8	10.49	2.85	526,759	516,605	343,477
PVT	HOSE	232.6	3,116.84	1.18%	13.4	14.23	1.19	3,569,043	2,668,961	2,667,852
DIG	HOSE	143.0	2,473.82	1.01%	17.3	54.71	1.05	1,418,603	1,038,551	905,570
OGC	HOSE	300.0	3,600.00	0.91%	12.0	65.17	1.20	2,878,665	2,331,759	2,005,607
PET	HOSE	69.8	1,536.52	0.87%	22.0	9.97	1.28	1,461,971	1,053,761	888,795
SBT	HOSE	143.5	1,879.67	0.60%	13.1	7.73	1.05	455,598	336,916	304,849

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	13,177.66	8.04%	29.5	8.80	1.71	2,600,076	2,810,321	1,917,353
VIC	HOSE	909.5	71,397.68	7.80%	78.5	10.64	4.02	247,555	307,601	250,207
VCB	HOSE	2,317.4	67,436.84	7.65%	29.1	15.50	1.57	827,207	1,159,036	832,469
BVH	HOSE	680.5	31,369.73	7.23%	46.1	29.87	2.70	521,529	723,017	491,219
DPM	HOSE	379.9	16,907.07	6.97%	44.5	7.88	1.87	921,573	1,028,958	583,077
STB	HOSE	1,142.5	23,535.74	5.98%	20.6	10.46	1.39	522,350	728,686	403,520
PVD	HOSE	275.3	20,781.99	5.04%	75.5	10.84	2.24	344,782	387,049	354,483
ITA	HOSE	718.1	5,385.56	3.72%	7.5	106.71	0.73	9,524,633	10,020,963	6,710,924
SHB	HNX	886.1	7,531.71	3.47%	8.5	10.53	0.77	10,755,354	8,126,376	4,844,208
PPC	HOSE	318.2	8,081.13	3.38%	25.4	5.15	1.56	1,451,436	1,376,398	1,419,429
OGC	HOSE	300.0	3,600.00	2.85%	12.0	65.17	1.20	2,878,665	2,331,759	2,005,607
GMD	HOSE	114.4	4,119.18	2.66%	36.0	30.68	0.96	590,599	568,830	526,522
HPG	HOSE	419.1	19,653.56	2.60%	46.9	10.36	2.13	500,822	675,539	491,600
HAG	HOSE	718.2	17,953.87	2.25%	25.0	19.10	1.46	5,728,666	4,552,415	2,710,619
DRC	HOSE	83.1	3,804.78	1.93%	45.8	10.49	2.85	526,759	516,605	343,477
VCG	HNX	441.7	6,051.44	1.85%	13.7	12.16	1.17	5,117,840	3,789,841	2,672,773
PVX	HNX	400.0	1,440.00	0.00%	3.6	0.70	1.83	12,249,411	9,473,828	6,984,592

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	909.5	71,397.68	0.00%	78.5	10.64	4.02	247,555	307,601	250,207
MSN	HOSE	734.9	69,449.12	0.00%	94.5	153.75	4.62	227,368	287,890	278,920
DPM	HOSE	379.9	16,907.07	0.00%	44.5	7.88	1.87	921,573	1,028,958	583,077
HAG	HOSE	718.2	17,953.87	0.00%	25.0	19.10	1.46	5,728,666	4,552,415	2,710,619
VCB	HOSE	2,317.4	67,436.84	0.00%	29.1	15.50	1.57	827,207	1,159,036	832,469
STB	HOSE	1,142.5	23,535.74	0.00%	20.6	10.46	1.39	522,350	728,686	403,520
BVH	HOSE	680.5	31,369.73	0.00%	46.1	29.87	2.70	521,529	723,017	491,219
CTG	HOSE	3,723.4	62,925.54	0.00%	16.9	9.18	1.15	1,158,482	1,095,200	736,073
GAS	HOSE	1,895.0	156,337.50	0.00%	82.5	12.70	4.70	438,786	602,842	439,586

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	69,449.12	0.81%	94.5	153.75	4.62	227,368	287,890	278,920
VIC	HOSE	909.5	71,397.68	0.55%	78.5	10.64	4.02	247,555	307,601	250,207
DPM	HOSE	379.9	16,907.07	0.26%	44.5	7.88	1.87	921,573	1,028,958	583,077
VCB	HOSE	2,317.4	67,436.84	0.20%	29.1	15.50	1.57	827,207	1,159,036	832,469
STB	HOSE	1,142.5	23,535.74	0.14%	20.6	10.46	1.39	522,350	728,686	403,520
BVH	HOSE	680.5	31,369.73	0.10%	46.1	29.87	2.70	521,529	723,017	491,219

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **01/12/2010** SLCKVN: **4,752.96 mil.**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	8,467	7.3	1.0	16.0%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	24,265	8.2	1.9	24.4%	18.2%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,549	17.9	0.6	2.9%	2.5%
Sản xuất giấy	726	8.1	0.7	10.2%	5.1%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	32,596	15.0	1.8	17.6%	7.0%
Khai khoáng					
Khai thác than	2,231	5.7	0.9	17.4%	3.9%
Khai khoáng	12,589	45.5	4.9	3.9%	2.9%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	19,668	19.1	1.4	15.5%	9.3%
Xây dựng	30,617	- 48.3	1.1	3.4%	1.5%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,394	8.0	1.2	18.8%	10.1%
Công nghiệp phức hợp	426	4.6	0.9	20.3%	14.2%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,737	10.6	1.1	8.8%	4.6%
Thiết bị điện	1,540	- 12.1	0.6	-0.7%	-1.3%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	37	21.1	0.5	2.4%	1.6%
Máy công nghiệp	9,986	9.8	1.6	21.3%	12.9%
Vận tải					
Vận tải thủy	7,685	- 3.1	0.9	8.9%	1.4%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,283	13.5	1.7	16.8%	12.2%
Dịch vụ vận tải	5,163	10.1	1.4	16.9%	10.3%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	1,970	9.7	1.2	12.6%	4.8%
Đào tạo & Việc làm	239	27.6	0.7	4.6%	1.8%
Nhà cung cấp thiết bị	175	7.7	0.8	11.5%	5.0%
Chất thải & Môi trường	106	1.8	0.6	44.4%	19.6%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,060	23.0	1.6	16.4%	8.5%
Lốp xe	7,428	9.2	2.6	30.2%	13.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,581	8.0	1.2	15.8%	9.7%
Vang & Rượu mạnh	242	5.6	1.7	16.9%	12.1%
Đồ uống & giải khát	253	6.7	1.2	15.7%	10.6%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	13,351	13.8	1.2	11.1%	5.6%
Thực phẩm	208,946	23.4	5.4	24.5%	18.4%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	46	89.9	0.6	0.6%	0.5%
Thiết bị gia dụng	2,515	9.6	1.1	12.9%	5.7%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	158	4.0	1.3	30.7%	21.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,197	8.7	1.6	18.8%	7.3%
Giày dép	6	1.9	0.2	12.3%	6.3%
Hàng cá nhân	5,266	11.7	1.8	16.3%	9.0%
Thuốc lá					
Thuốc lá	750	- 6.0	1.1	-3.2%	3.2%

20 February 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,074	7.4	1.0	15.9%	9.1%
Dụng cụ y tế	132	3.5	1.6	31.7%	12.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	170	10.9	1.1	10.0%	6.6%
Dược phẩm	16,006	13.0	3.4	26.5%	17.1%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	302	40.9	1.0	2.3%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	678	19.0	1.1	12.2%	8.0%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,705	10.2	1.7	19.2%	3.2%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	3.3	0.4	16.1%	9.1%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,089	8.6	1.0	14.0%	9.0%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	105	7.7	2.4	35.0%	15.7%
Khách sạn	6,612	48.6	2.8	5.6%	2.2%
Dịch vụ giải trí	2,089	20.6	1.7	13.7%	12.1%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,287	21.3	2.5	17.0%	14.8%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	42	9.8	0.3	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	516	17.0	0.7	3.5%	1.3%
Internet	229	43.1	0.6	1.3%	0.3%
Phần mềm	16,542	10.1	2.2	23.7%	10.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	360	18.0	0.6	3.2%	1.3%
Thiết bị văn phòng	259	5.2	1.0	20.4%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,291	13.9	0.7	5.3%	4.0%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	23,494	7.8	1.3	19.6%	9.5%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	164,489	12.5	4.6	39.9%	25.1%
Nước	1,089	5.8	1.1	18.1%	12.9%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,318	10.9	0.9	8.1%	3.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,730	11.7	0.7	6.4%	3.3%
Tái bảo hiểm	2,722	9.1	1.1	12.7%	6.9%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	32,731	29.9	2.7	9.0%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,840	65.2	1.2	-1.8%	-0.5%
Môi giới chứng khoán	22,841	19.5	1.3	8.0%	5.5%
Ngân hàng					
Ngân hàng	257,912	11.5	1.3	11.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	149,640	16.3	2.8	26.1%	6.3%
Tur Vốn, Định giá, Môi giới Bất động sản	4	124.0	0.3	0.3%	0.1%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	37,871	10.0	2.0	21.3%	8.1%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.